TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. SÔNG CÔNG **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/ HS-ST
Ngày 16 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh T;
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Thân,
- Bà Phạm Thị Diệu Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim D- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện thành phố Sông Công tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức M - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2023/TLST-HS, ngày 05 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thành TR - Sinh ngày: 13/5/1981, tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Tràng Quan, xã Trọng Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Nguyện - Sinh năm: 1954 (Đã chết) và bà: Phạm Thị Uyên - Sinh năm: 1955 (Đã chết). Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ là: Phạm Thị Phượng - Sinh năm: 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm: 2007.

- *Tiền án, tiền sự:* Không có.

- *Nhân thân:* Ngày 16/3/2004, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù giam về tội: Trộm cắp tài sản (Chấp hành xong ngày 26/8/2004).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa).

****.Bị hại:***

1. Bà Lê Thị Thanh Hưng (Tên gọi khác: Lê Thị Hưng) - Sinh năm 1976;

2. Ông Dương Tuấn Anh - Sinh năm 1971(Là chồng chị Hưng);

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

3. Bà Dương Thị Nghiên - Sinh năm 1972;

4. Ông Đồng Thế Long - Sinh năm 1965(Là chồng chị Nghiên);

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

5. Bà Dương Thị Tám - Sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

6. Bà Dương Thị Hoàn - Sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

(Đều vắng mặt,nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Dương Văn Thiện - Sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh TháiNguyên;

(Có mặt tại phiên tòa).

****. Người làm chứng:***

1. Anh Đồng Thế Anh - Sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

2. Ông Hà Văn Dũng, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 24/87 Lê Thanh Nghị, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Bùi Thành TR vào làm việc tại Công ty CP trắc địa Sông Hồng địa chỉ số 24/87 phố Lê Thanh Nghị phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, theo hợp đồng giao khoán số 25/2018/HĐGK ký ngày 22/5/2018, Bùi Thành TR thực hiện nhiệm vụ đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phường Lương Châu (nay là phường Châu Sơn), thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Từ khoảng tháng 9 /2019 đến tháng 3/2020, khi đang tiến hành đo đạc và xây dựng bản đồ đo đạc hiện trạng ở khu vực phường Châu Sơn, thành phố Sông Công để trình phê duyệt của Sơ Tài nguyền và Môi trường tỉnh Thái Nguyên. Lúc này, TR biết tại thời điểm này việc cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân là chưa được cấp, do biết một số hộ dân có nhu cầu

làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên TR nói có thể giúp làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lợi dụng sự tin tưởng của người dân nên TR nảy sinh ý định làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chiếm đoạt tài sản của người dân, bằng cách TR đưa ra thông tin là có thể nhờ một người tên Quang ở Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Thái Nguyên làm cấp giấy chứng nhận được, khi làm thì tính giá 1.000.000đ/1m2 đất và phải đặt cọc trước 30.000.000đ, đến khi TR làm xong bìa đưa lại cho người dân thì sẽ nhận hết số tiền còn lại (tính theo tổng diện tích đất đề nghị được cấp), về thủ tục khi làm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, TR chỉ yêu cầu các hộ dân cung cấp bản phô tô căn cước công dân và bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có), ngoài ra không phải làm các thủ tục gì khác, do TR sẽ trực tiếp làm.

Khoảng tháng 9/2019, lúc này có gia đình vợ chồng bà Lê Thị Thanh Hưng và ông Dương Tuấn Anh có nhu cầu làm thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất của gia đình đang ở mà chưa được cấp giấy chứng nhận và gia đình vợ chồng bà Dương Thị Nghiên và ông Đồng Thế Long có nhu cầu cấp chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở và đất vườn. Do tin tưởng TR nên bà Hưng và bà Nghiên đã đến gặp và nhờ TR làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì TR đồng ý và cho số điện thoại của TR là số 0378923794 và kết bạn zalo để liên lạc.

Sau đó, bà Nghiên đã nhiều lần liên lạc với TR qua ứng dụng zalo, từ tài khoản zalo của chị Nghiên số điện thoại 0967304659 với tài khoản zalo của TR là "TR Dc" và thống nhất nhờ TR làm chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn tạp sang đất ở với diện tích 150m2 của gia đình bà Nghiên, với giá 150.000.000đ và phải đặt cọc cho TR 30.000.000đ, sau khi có bìa đỏ thì thanh toán nốt số tiền còn lại cho TR, bà Nghiên đồng ý và TR nhắn cho bà Nghiên số tài khoản của mình là 47110000529003 của ngân hàng Đầu từ và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thái Bình. Đến ngày 22/11/2019, bà Nghiên bảo con trai là Đồng Thế Anhchuyển số tiền 10.000.000đ vào tài khoản trên của TR và ngày 29/11/2019, chồng bà Nghiên là ông Long đã chuyển vào tài khoản trên của TR số tiền là 18.000.000đ. Còn đối với bà Hưng, sau khi trao đổi với TR, sau đó đã đi đến phòng trọ của TR đang thuê trọ tại gia đình ông Dương Văn Thiện (Địa chỉ:Tổ dân phố 3, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công). Tại đây, bà Hưng nói "chị muốn làm cái bìa đỏ của mảnh đất này em có làm được không, chị muốn làm 150m2 đất thổ cư", thì TR nói "…làm 150m2 thổ cư thì hết 150.000.000đ và phải đặt cọc trước 30.000.000đ, để lấy chỗ đi lại (ý nhờ người khác làm giúp)", bà Hưng đồng ý. TR cung cấp cho chị Hưng số tài khoản ngân hàng của TR là 8509205070389, mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Thành phố Sông Công và đến ngày 31/12/2019, bà Hưng đã chuyển vào tài khoản của TR số tiền 30.000.000đ. Sau khi nhận được tiền đặt cọc, TR bảo bà Nghiên đưa cho TR bản phô tô giấy chứng minh nhân dân của 2 vợ chồng và bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất bà Nghiên

nhờ TR, bà Hưng đưa cho TR bản phô tô giấy chứng minh nhân dân của 2 vợ chồng để TR đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thực chất TR không làm các thủ tục và lập hồ sơ theo quy định để đi đến cấp có thẩm quyền đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình chị Nghiên và chị Hưng mà sử dụng số tiền có được chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng giữa tháng 01/2020, sau khi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, trên giấy có ghi thông tin thửa đất và người sử dụng đất là ông Dương Tuấn Anh và bà Lê Thị Hưng, tuy nhiên trên giấy chưa ghi thông tin số vào sổ cấp giấy chứng nhận và ngày cấp nên TR đã dùng bút bi màu xanh tự điền thông tin và viết vào giấy chứng nhận giả số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS00502 và ngày cấp là 9/11 (tức cấp ngày 9 tháng 11 năm 2019, trước thời điểm chị Hưng cung cấp giấy tờ cho TR và đặt cọc cho TR). Sau đó, TR đến gặp và đưa cho chị Hưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, chị Hưng kiểm tra và tin giấy chứng nhận đó là thật nên đã đưa cho TR số tiền 120.000.000đ.

Đến khoảng giữa tháng 2/2020, sau khi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, trên giấy có ghi thông tin thửa đất và người sử dụng đất là ông Đồng Thế Long và bà Dương Thị Nghiên và cũng dùng bút bi màu xanh để tự điền thông tin và viết vào giấy chứng nhận giả số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS00600 và ngày cấp là 20/11 (tức cấp ngày 20 tháng 11 năm 2019, trước thời điểm chị Nghiên cung cấp giấy tờ cho TR và đặt cọc cho TR), rồi TR đem giao cho chị Nghiên, tin là thật nên chị Nghiên đã đưa cho TR số tiền 122.000.000đ.

Cũng trong thời gian khoảng giữa tháng 2/2020, sau khi biết được gia đình bà Hưng nhờ TR làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Dương Thị Tám và bà Dương Thị Hoàn là chị, em của ông Dương Tuấn Anh, nên đã nhờ bà Hưng liên hệ với TR để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất chưa được cấp của gia đình bà Tám và chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa đất cho gia đình bà Hoàn. Sau đó, bà Hưng đã trao đổi với TR, TR đồng ý và yêu cầu mỗi người đặt cọc 30.000.000đ, bà Tám và bà Hoàn đồng ý và đã đưa tiền cho bà Hưng, rồi bà Hưng đã đưa tiền cho TR với tổng số tiền là 60.000.000đ, sau khi nhận được số tiền trên TR đã chi tiêu cá nhân.

Đến ngày 18/3/2020, bà Hưng và anh Tuấn Anh đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do TR đưa cho để đi thế chấp vay vốn ngân hàng thì phát hiện nghi bị làm giả nên đã mang đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sông Công đề nghị kiểm tra thì phát hiện là giả nên đã thu giữ lại, giao nộp cho Cơ quan điều tra để điều tra, xác minh làm rõ. Sau khi phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả, bà Hưng đã yêu cầu TR trả lại tiền cho chị Hưng, cụ thể: 01 lần TR trả cho chị Hưng số tiền 10.000.000đ và đến ngày 25/3/2020, TR dùng tài khoản ngân hàng số 8509205070389 của TR mở tại ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn - Chi nhánh thành phố Sông Công chuyển vào tài khoản số 8509205015397 của chị Hưng cùng mở tại ngân hàng Nông nghiệp để trả cho chị Hưng số tiền 50.000.000đ. Sau đó, thấy không còn

khả năng trả tiền nên TR đã tự ý bỏ việc và bỏ đi khỏi địa phương, không liên lạc với ai và cũng không ai biết TR đi đâu. Đến tháng 3/ 2023, Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công đã truy tìm và triệu tập được Bùi Thành TR để lấy lời khai và điều tra, xác minh làm rõ.

Sau khi biết giấy chứng nhận của gia đình bà Hưng bị làm giả nên ngày 03/11/2020, anh Đồng Thế Anh là con của anh Long và chị Nghiên đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình do TR đưa cho, mang đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sông Công để kiểm tra thì phát hiện là giả nên đã giữ lại và giao nộp cho Cơ quan điều tra để điều tra, xác minh làm rõ ngày 08/12 năm 2020 Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên chuyển đơn kèm theo công văn số 620/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 23/11/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên, nội dung: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên đề nghị Công an tỉnh Thái Nguyên điều tra xác minh làm rõ và xử lý hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành CC 120321 số vào sổ CS 00600 tại thửa đất số 363 tờ bản đồ số 10 thuộc phường Châu Sơn thành phố Sông Công mang tên bà Dương Thị Nghiêm ông Đồng Thế Long là giấy tờ giả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã chuyển nguồn tin tội phạm và tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công để giải quyết theo thẩm quyền kèm theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nghi bị làm giả của hai hộ gia đình ông Dương Tuấn Anh bà Lê Thị Hưng và hộ gia đình ông Đồng Thế Long bà Dương Thị Nghiêm địa chỉ phường Lương Châu (nay là phường Châu Sơn) thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 08/5/2020 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sông Công trưng cầu giám định giấy chứng nhận phát hành CC 120306 và mẫu chữ ký của ông Nguyễn Thế Hoàn. Ngày 02/02/2021 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sông Công trưng cầu giám định: Nội dung giám định chữ ký và hình dấu trên tài liệu cần giám định ký hiệu B (một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 120321 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00600) so với mẫu giám định M1 và mẫu tròn đỏ trên mẫu so sánh ký hiệu M2 (mẫu chữ ký của ông Nguyễn Thế Hoàn, mẫu dấu tròn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên) có phải do một người ký, một con dấu đóng ra không, được ký đóng dấu trực tiếp hay sao chụp.

Tại bản kết luận giám định số 462/KL-KTHS ngày 18/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Chữ kỹ, hình dấu trên mẫu giám định là giả được tạo ra bằng phương pháp in phun mầu.

Tại kết luận số 671/KL-KTHS Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: chữ ký, hình dấu trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Ngày 17/3/2023 Cơ quan CSĐT Công an TP Sông Công trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an trưng cầu nội dung: Chữ viết "09", "11" và "CS00600" trên mẫu giám định và chữ viết "20", "11" và "CS00600" trên mẫu

giám định, so với chữ viết của Bùi Thành TR trên mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không.

Tại bản kết luận giám định số 1953/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: các chữ và số "09", "11", "CS00600" và các chữ số "20", "11", "CS00600" mực màu xanh trên các mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ số của Bùi Thành TR trên các mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Kết quả xác minh thể hiện ngày 31/12/2019 chị Lê Thị Hưng chuyển khoản cho Bùi Thành TR 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ngày 25/3/2020 chị Lê Thị Hưng chuyển khoản cho Bùi Thành TR 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Ngày 22/11/2019 anh Đồng Thế Anh chuyển khoản cho Bùi Thành TR 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ngày 29/11/2019 anh Đồng Thế Long chuyển khoản cho Bùi Thành TR 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Ngày 07/3/2023 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sông Công xác minh tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên xác định từ năm 2019 đến 2021 tại đơn vị không có cán bộ tên là Quang làm việc tại đơn vị. Ngày 27/4/2020 Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Châu Sơn thể hiện cuối năm 2019 đầu năm 2020 Công ty cổ phần trắc địa bản đồ Sông Hồng thực hiện việc đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Châu Sơn thành phố Sông Công. Xác minh về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Sông Công kết quả thể hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện theo Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 20N7-0671 được chuyển và bảo quản theo đúng quy trình quản lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị can Bùi Thành TR đã trả cho các bị hại là bà Lê Thị Thanh Hưng số tiền 150.000.000đ, chị Dương Thị Nghiêm số tiền 150.000.000đ, chị Dương Thị Tám số tiền 30.000.000đ, chị Dương Thị Hoàn số tiền 30.000.000đ. Đến nay, người bị hại không yêu cầu bị cáo TR phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Tại bản Cáo trạng số: 86/CT-VKS, ngày 30-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Bùi Thành TR về các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 3 Điều 174 của BLHS và tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 của BLHS.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Bùi Thành TR đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, bị cáo xác định việc truy tố, xét xử bị cáo về các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", là đúng người, đúng tội, không oan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Dương Văn Thiện có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc bị cáo trả lại cho ông khoản tiền mà bị cáo đã vay là 50.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáovề tội danh và điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thành TR phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", và tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo TR từ 08 – 09 năm tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo TR từ 30 – 36 tháng tù về tội: Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, áp dụng Điều 55 của BLHS tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo TR phải thi hành từ 10 năm 06 tháng - 12 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 của BLHS và Điều 106 của BLTTHS: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, BKS 20N7 – 0671(Kèm theo 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 000880 do Công an huyện Phổ Yên cấp ngày 16/12/2009)

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Bị cáo Bùi Thành TR không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Dương Văn Thiện không có ý kiến đề nghị gì.

Khi được nói lời sau cùng bị cáo Bùi Thành TR nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù để cho bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận, vì đã phù hợp với chính lời khai của bị cáo, lời khai của các bị hại, những người tham gia tố tụng khác tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận:

Bị cáo Bùi Thành TR không phải là người có thẩm quyền cấp và được giao nhiệm vụ làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên khi biết được một số hộ dân ở khu vực phường Châu Sơn, thành phố Sông Công có nhu cầu làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bị cáo TR đã nảy sinhlàm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chiếm đoạt tài sản của người dân. Từ khoảng tháng 9/2019 đến tháng 3/2020, tại phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, bị cáo TR đã làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Lê Thị Thanh Hưng và bà Dương Thị Nghiêm để chiếm đoạt tổng số tiền 300.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn nhận của gia đình bà Dương Thị Tám và bà Dương Thị Hoàn mỗi gia đình số tiền 30.000.000 đồng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bị cáo chưa kịp làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Tám và bà Hoàn thì vụ việc bị cáo làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho gia đình bà Hưng, bà Nghiên bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện là bị làm giả. Tổng số tiền bị cáo Bùi Thành TR đã chiếm đoạt được là 360.000.000đồng và chi tiêu cá nhân.

Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên buộc phải nhận thức và biết được hành vi làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chiếm đoạt tổng số tiền nêu trên của các gia đình bà Lê Thị Hưng, bà Dương Thị Nghiên, bà Dương Thị Tám và bà Lê Thị Hoàn đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và tội:"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là: "*Phạm tội 02 lần trở lên" và "Làm từ 02 .. tài liệu ..."* theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 của BLHS; "*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới*

500.000.000 đồng”, theo quy định tại khoản điểm a khoản 3 Điều 174 của BLHS. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về các tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ và đúng quy định của Pháp luật.

Nội dung các điều luật quy định như sau:

Điều 174. **Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:**

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

Điều 341. **Tội làm giả …tài liệu của cơ quan, tổ chức…**

1. Người nào làm giả ... tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức... thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 5 năm:...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c, Làm từ ... 02 tài liệu ....

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, đến hoạt động bình thường, đúng đắn của của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nghiêm trọng, nhưng vì vụ lợi đã bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên, sau khi vụ việc bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại để khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: Phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xét nhân thân bị cáo thấy: Bị cáo tuy không có tiền án, tiền sự, nhưng là người có nhân thân xấu, bị cáo đã bị xử phạt tù về hành vi có cùng tính chất (Năm 2004 bị Tòa án nhân dân quan Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù tội: Trộm cắp tài sản), bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, phạm tội nhiều tội. Vì vậy, dù có giảm nhẹ phần nào về hình phạt nhưng cần nên một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly xã hội một thời gian phù hợp để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của BLHS thì người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo là lao động tự do nên thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt của gia đình bà Lê Thị Thanh Hưng, bà Dương Thị Nghiên, bà Dương Thị Tám và bà Lê Thị Hoàn với tổng số tiền là 360.000.000 đồng. Sau khi vụ, việc bị phát hiện, bị cáo đã bồi thường cho gia đình các bị hại đầy đủ số tiền trên, các bị hại không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về yêu cầu của ông Dương Văn Thiện: Ông Thiện cho rằng khoảng tháng 3/2020, bị cáo TR có vay của ông số tiền 50.000.000 đồng để bồi thường cho gia đình bà Hưng (Bị cáo TR cũng thừa nhận khoản vay này), tuy nhiên đây là giao dịch dân sự khác và độc lập không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Nếu có yêu cầu ông Thiện có quyền khởi kiện để giải quyết ở vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của BLHS và 106 BLTTHS, xử lý vật chứng vụ án như sau: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, BKS 20N7-0671, tuy có nguồn gốc do bị cáo dùng số tiền do phạm tội mà có để mua của người khác (Kèm theo đăng ký chiếc xe mô tô nói trên), nhưng sau khi vụ án bị phát hiện bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại. Vì vậy, xét thấy không cần thiết tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc xe mô tô trên, mà cần tạm tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính … là phù hợp với các quy định của pháp luật cần được chấp nhận, tuy nhiên về đề nghị xử lý vật chứng vụ án, xét thấy không có căn cứ chấp nhận như đã phân tích nêu trên.

[8] Cần áp dụng Điều 329 của BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo Bùi Thành TR với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án theo quy định.

[9]Về nguồn gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo TR khai nhờ một người đàn ông tên Quang có số điện thoại 0342.613.978 ở Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyênlàm giúp. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xác minh số điện thoại trên được đăng ký thông tin anh Trương Văn Sơn (Địa chỉ: Bình Thạch, Mộc Hoá, Long An), anh Sơn khai không đăng ký số điện thoại trên, không biết và không mua bán giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bị cáo TR. Đối với người tên Quang, theo bị cáo khai công tác tại Sở Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, kết quả xác minh từ năm 2019 cho đến nay không có người nào tên là Quang Công tác ở Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên. Đối với người đàn ông lái xe ôm do Quang nhờ đưa giấy chứng nhận giả cho bị cáo và nhận tiền của bị cáo TR, tuy nhiên không có địa chỉ, lý lịch cụ thể nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

[10]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 47, điểm a khoản 3 điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS (Đối với tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); điểm b, c khoản 2 điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS (Đối với tội: Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức), các Điều 55 và Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Bùi Thành TR.

- Các Điều 106, 136, 329, 331 và Điều 333 của BLTTHS;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thành TR phạm các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

2. Hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Bùi Thành TR 08 năm 06 tháng tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và năm 02 năm 06 tháng tù về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Bùi Thành TR phải thi hành là **11** (Mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 10/11/2023.

3. Ra Quyết định tạm giam bị cáo Bùi Thành TR với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 174 của BLHS.

5. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

6.Về xử lý vật chứng vụ án như sau: Tạm giữ mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, BKS 20N7-0671 và 01 đăng ký mô tô xe máy sô 000880 do Công an huyện Phổ Yên cấp ngày 16/12/2009 để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo Bùi Thành TR.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an thành phố Sông Công và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên).*

7. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Thành TR phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

8. Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Thành TR có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các bị hại (Bà Lê Thị Thanh Hưng, ông Dương Tuấn Anh, bà Dương Thị Nghiên, ông Đồng Thế Long, bà Dương Thị Tám và bà Lê Thị Hoàn) có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Ông Dương Văn Thiện) có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- Công an TP. Sông Công;
- VKSND TP. Sông Công;
- Chi cục THADS TP. Sông Công;
- Bị cáo; các bị hại;
- Người CQLNVLQ đến vụ án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh T